

Số: 78 /QĐ-GDDT

Thủy Nguyên, ngày 08 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh đạt giải Kỳ thi
chọn học sinh giỏi huyện cấp THCS đợt 2, năm học 2023 - 2024**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THỦY NGUYÊN

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc ủy ban nhân dân huyện;

Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-GDDT ngày 06/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức Kỳ thi học sinh giỏi huyện cấp trung học cơ sở năm học 2023-2024;

Căn cứ kết quả của Hội đồng chấm thi chọn học sinh giỏi huyện cấp THCS đợt 2, năm học 2023-2024;

Theo đề nghị của Phó trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi huyện cấp Trung học cơ sở đợt 2, năm học 2023 - 2024.

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh có tên trong danh sách được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thủy Nguyên cấp giấy chứng nhận và được ghi nhận thành tích trong năm học.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trung học cơ sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo; Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở và học sinh có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG


Nguyễn Văn Năng



DANH SÁCH
CÔNG NHẬN HỌC SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI HUYỆN CẤP THCS
ĐỢT 2, NĂM HỌC 2023-2024

(Ban hành kèm Quyết định số: 78 /QĐ-GDDT, ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
1	063	Trần Thị Minh Thư	9A3	25/11/2009	Địa lí	An Lư	6.00	Ba
2	041	Bùi Bảo Nam	9A3	14/01/2009	Hoá học	An Lư	7.80	Nhì
3	007	Bùi Sơn Dương	9A5	23/09/2008	Hoá học	An Lư	5.00	Khuyến khích
4	002	Bùi Việt Anh	9A2	29/11/2009	Lịch sử	An Lư	9.00	Nhất
5	055	Nguyễn Thị Bích Ngọc	9A5	02/04/2009	Lịch sử	An Lư	7.25	Nhì
6	090	Phạm Hải Yến	9A1	01/05/2009	Lịch sử	An Lư	7.25	Nhì
7	076	Trần Hải Thiên	9A1	23/04/2009	Lịch sử	An Lư	6.75	Ba
8	012	Lương Bảo Châu	9A1	06/10/2009	Lịch sử	An Lư	5.75	Ba
9	068	Trịnh Vũ Minh Phương	9A1	29/03/2009	Lịch sử	An Lư	5.75	Ba
10	028	Trần Thu Hằng	9A5	10/01/2009	Ngữ văn	An Lư	6.25	Ba
11	052	Hoàng Thanh Nhân	9A1	17/10/2009	Sinh học	An Lư	7.45	Ba
12	037	Trần Nguyễn Ngọc Linh	9A1	11/09/2009	Sinh học	An Lư	6.75	Ba
13	023	Nguyễn Hồng Duyên	9A1	26/11/2009	Sinh học	An Lư	6.75	Ba
14	082	Trịnh Bảo Tín	9A1	08/05/2009	Toán	An Lư	5.25	Khuyến khích
15	011	Trịnh Duy Định	9A1	17/7/2009	Vật lý	An Lư	8.25	Nhất
16	009	Phạm Mạnh Duy	9A1	11/04/2009	Vật lý	An Lư	7.75	Nhì
17	010	Bùi Thành Đạt	9A1	26/10/2009	Vật lý	An Lư	7.75	Nhì
1	003	Hoàng Minh Anh	9A	03/05/2009	Lịch sử	Cao Nhân	5.00	Khuyến khích



	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
	056	Hoàng Thị Ngọc	9A	06/01/2009	Lịch sử	Cao Nhân	5.00	Khuyến khích
3	063	Hoàng Thị Minh Nhi	9A	17/11/2009	Lịch sử	Cao Nhân	5.00	Khuyến khích
4	051	Bùi Khánh Linh	9A	27/07/2009	Tiếng Anh	Cao Nhân	6.15	Ba
5	031	Hoàng Quỳnh Mai	9A	19/10/2009	Vật lý	Cao Nhân	6.25	Khuyến khích
1	036	Trần Thanh Mai	9A1	29/11/2009	Hoá học	Chính Mỹ	5.00	Khuyến khích
2	083	Trần Thị Trúc	9A2	28/10/2009	Lịch sử	Chính Mỹ	5.00	Khuyến khích
3	093	Nguyễn Khánh Vy	9A1	18/07/2009	Ngữ văn	Chính Mỹ	6.50	Ba
4	036	Đặng Thu Liên	9A1	11/08/2009	Sinh học	Chính Mỹ	9.00	Nhất
5	043	Vũ Hoàng Bảo Minh	9A1	02/03/2009	Sinh học	Chính Mỹ	7.70	Nhi
6	080	Trần Thị Hải Yến	9A1	25/08/2009	Sinh học	Chính Mỹ	6.50	Khuyến khích
7	033	Nguyễn Thị Trà My	9A1	02/08/2009	Vật lý	Chính Mỹ	8.00	Nhi
1	028	Nguyễn Thu Huyền	9A1	08/12/2009	Địa lí	Dương Quan	5.25	Khuyến khích
2	067	Lê Văn Thuận	9A1	15/03/2009	Hoá học	Dương Quan	6.45	Ba
3	077	Đỗ Tuấn Thịnh	9A1	09/08/2009	Lịch sử	Dương Quan	5.25	Khuyến khích
4	041	Vũ Văn Kiệt	9A1	10/10/2009	Lịch sử	Dương Quan	5.00	Khuyến khích
5	067	Lê Thị Vân Trang	9A1	22/04/2009	Sinh học	Dương Quan	6.25	Khuyến khích
6	042	Lê Thị Khánh Ly	9A1	27/05/2009	Sinh học	Dương Quan	5.25	Khuyến khích
7	027	Nguyễn Văn Thái Dương	9A1	05/12/2009	Tiếng Anh	Dương Quan	7.10	Nhi
8	003	Nguyễn Ngọc Anh	9A1	15/10/2009	Tiếng Anh	Dương Quan	5.90	Ba
9	016	Lê Văn Trung Dũng	9A1	14/12/2009	Toán	Dương Quan	6.50	Nhi
1	062	Đỗ Thị Phương	9A1	26/01/2009	GDCD	Hòa Bình	9.00	Nhất



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
	029	Đỗ Thị Hà	9A3	11/09/2009	GDCD	Hòa Bình	8.75	Nhất
3	019	Nguyễn Quỳnh Chi	9A5	11/06/2009	GDCD	Hòa Bình	8.25	Nhi
4	039	Lương Thị Lan	9A1	28/03/2009	GDCD	Hòa Bình	8.00	Ba
5	035	Vương Thị Thanh Hương	9A5	25/12/2009	GDCD	Hòa Bình	7.75	Khuyến khích
6	042	Nguyễn Thị Lan	9A5	03/06/2009	Lịch sử	Hòa Bình	5.00	Khuyến khích
7	002	Đoàn Phương Anh	9A1	22/02/2009	Ngữ văn	Hòa Bình	6.00	Khuyến khích
8	108	Bùi Đỗ Hà Vy	9A1	10/10/2009	Tiếng Anh	Hòa Bình	9.10	Nhất
9	023	Lưu Trí Dũng	8A1	13/07/2010	Tiếng Anh	Hòa Bình	8.70	Nhất
10	052	Bùi Thị Khánh Linh	9A1	09/10/2009	Tiếng Anh	Hòa Bình	8.00	Nhi
11	004	Đoàn Diệp Anh	9A1	02/05/2009	Tiếng Anh	Hòa Bình	7.45	Nhi
12	037	Nguyễn Vũ Hồng Hải	8A1	02/03/2010	Tiếng Anh	Hòa Bình	7.00	Ba
13	016	Vũ Minh Châu	9A1	04/10/2009	Tiếng Anh	Hòa Bình	6.20	Ba
14	092	Vũ Văn Uy	9A1	05/02/2009	Toán	Hòa Bình	5.75	Ba
15	048	Phạm Thị Thu Minh	9A1	30/04/2009	Toán	Hòa Bình	5.75	Ba
16	084	Phạm Anh Tuấn	9A1	04/08/2009	Toán	Hòa Bình	5.25	Khuyến khích
17	013	Trần Trung Đức	9A1	17/08/2009	Vật lý	Hòa Bình	7.00	Ba
1	073	Phạm Thị Ánh Tuyết	9A1	13/03/2009	Địa lí	Hoa Động	5.90	Ba
2	009	Phạm Thị Diễm	9A1	18/03/2009	Địa lí	Hoa Động	5.40	Khuyến khích
3	066	Đồng Tú Quỳnh	9A3	19/11/2009	GDCD	Hoa Động	8.00	Ba
4	006	Bùi Nguyễn Kim Anh	9A1	28/11/2009	GDCD	Hoa Động	7.50	Khuyến khích
5	031	Phạm Tú Linh	9A2	09/01/2009	Hoá học	Hoa Động	5.00	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
6	034	Vũ Ngọc Huyền	9A1	28/05/2009	Lịch sử	Hoa Động	8.00	Nhì
7	087	Đồng Nguyên Huyền Vy	9A1	06/02/2009	Lịch sử	Hoa Động	7.50	Nhì
8	019	Đồng Ngọc Diệp	9A1	22/02/2009	Lịch sử	Hoa Động	6.75	Ba
9	015	Trịnh Hà Chi	9A1	13/07/2009	Ngữ văn	Hoa Động	6.75	Nhì
10	036	Nguyễn Khánh Linh	9A1	08/06/2009	Ngữ văn	Hoa Động	6.25	Ba
11	001	Đồng An An	9A3	22/10/2009	Sinh học	Hoa Động	5.80	Khuyến khích
12	080	Đồng Minh Quân	9A1	09/05/2009	Toán	Hoa Động	7.50	Nhì
13	060	Đoàn Hữu Bá Nam	9A3	16/01/2009	Toán	Hoa Động	6.25	Nhì
14	067	Trịnh Thị Minh Ngọc	9A1	19/11/2009	Toán	Hoa Động	6.00	Ba
15	038	Đặng Lưu Quỳnh	9A1	02/07/2009	Vật lý	Hoa Động	8.40	Nhất
16	027	Đồng Xuân Hoàng Khánh	9A1	02/09/2009	Vật lý	Hoa Động	6.00	Khuyến khích
17	028	Bùi Diệu Linh	9A1	01/03/2009	Vật lý	Hoa Động	5.75	Khuyến khích
1	075	Nguyễn Thị Yến	9A3	17/08/2009	Địa lí	Hoàng Động	5.70	Khuyến khích
2	007	Đoàn Thị Vân Anh	9A3	31/07/2009	GDCD	Hoàng Động	7.50	Khuyến khích
3	063	Lê Việt Thắng	9A3	21/01/2009	Hoá học	Hoàng Động	5.90	Ba
4	003	Hoa Hoàng Anh	9A3	31/10/2009	Ngữ văn	Hoàng Động	7.00	Nhì
5	037	Vũ Thùy Linh	9A3	12/01/2009	Ngữ văn	Hoàng Động	6.25	Ba
6	084	Bùi Thị Thơm	9A3	04/09/2009	Ngữ văn	Hoàng Động	6.00	Khuyến khích
7	041	Đoàn Thủy Ly	9A3	21/08/2009	Ngữ văn	Hoàng Động	5.75	Khuyến khích
8	045	Nguyễn Thị Kim Ngân	9A3	22/05/2009	Sinh học	Hoàng Động	7.00	Ba
9	030	Nguyễn Tiến Đạt	9A3	23/07/2009	Tiếng Anh	Hoàng Động	5.90	Ba



	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
10	029	Vũ Hải Linh	9A3	22/08/2009	Vật lý	Hoàng Động	7.00	Ba
1	011	Nguyễn Tự Hải Đăng	9A1	16/10/2009	Hoá học	Hợp Thành	9.45	Nhất
2	072	Phạm Phú Trọng	9A1	27/08/2009	Hoá học	Hợp Thành	7.40	Nhi
3	029	Vũ Tùng Lâm	9A1	14/03/2009	Hoá học	Hợp Thành	6.90	Nhi
4	006	Bùi Kim Chi	9A1	19/07/2009	Hoá học	Hợp Thành	6.55	Ba
5	064	Bùi Quang Thế	9A1	02/01/2009	Hoá học	Hợp Thành	5.35	Khuyến khích
6	017	Phạm Trung Hiếu	9A1	28/11/2009	Hoá học	Hợp Thành	5.25	Khuyến khích
7	038	Ngô Hoàng Duy Khánh	9A1	06/10/2009	Lịch sử	Hợp Thành	6.75	Ba
8	022	Bùi Hoàng Thùy Dương	9A1	24/12/2009	Lịch sử	Hợp Thành	6.00	Ba
9	004	Ngô Việt Anh	9A1	17/06/2009	Lịch sử	Hợp Thành	5.50	Khuyến khích
10	011	Đào Hải Bình	9A1	12/05/2009	Lịch sử	Hợp Thành	5.00	Khuyến khích
11	068	Nguyễn Hồng Nhung	9A1	08/06/2009	Ngữ văn	Hợp Thành	6.50	Ba
12	019	Nguyễn Ngọc Diệp	9A1	06/03/2009	Ngữ văn	Hợp Thành	6.25	Ba
13	098	Nguyễn Hải Yến	9A1	18/11/2009	Ngữ văn	Hợp Thành	5.75	Khuyến khích
14	015	Lê Thành Công	8A1	12/04/2010	Tiếng Anh	Hợp Thành	6.10	Ba
15	070	Cao Minh Ngọc	9A1	10/09/2009	Tiếng Anh	Hợp Thành	5.60	Khuyến khích
16	013	Trần Đức Hoàng Bách	9A1	05/12/2009	Tiếng Anh	Hợp Thành	5.05	Khuyến khích
17	019	Bùi Hữu Duy	9A1	01/09/2009	Toán	Hợp Thành	5.50	Khuyến khích
1	002	Nguyễn Thiện Anh	9A1	18/08/2009	Địa lí	Kiên Bái	6.25	Ba
2	047	Nguyễn Hải Ninh	9A1	28/01/2009	Địa lí	Kiên Bái	5.65	Khuyến khích
3	078	Trần Hải Yến	9A1	24/09/2009	Hoá học	Kiên Bái	5.50	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
4	074	Trần Thị Thanh	9A1	02/03/2009	Lịch sử	Kiên Bái	5.25	Khuyến khích
5	016	Nguyễn Khánh Chi	9A1	21/05/2009	Ngữ văn	Kiên Bái	7.00	Nhì
6	109	Nguyễn Tường Vy	9A1	28/09/2009	Tiếng Anh	Kiên Bái	8.90	Nhất
7	035	Hoàng Thị Hải Hà	8A1	15/05/2010	Tiếng Anh	Kiên Bái	6.25	Ba
8	003	Vũ Thị Lan Anh	9A1	14/02/2009	Toán	Kiên Bái	6.50	Nhì
9	021	Bùi Mẫn Đạt	9A1	12/03/2009	Toán	Kiên Bái	5.75	Ba
10	061	Nguyễn Trọng Bảo Nam	9A1	30/01/2009	Toán	Kiên Bái	5.25	Khuyến khích
1	043	Đồng Yến Nhi	9A1	17/01/2009	Địa lí	Kỳ Sơn	6.40	Ba
2	029	Nguyễn Thị Thanh Huyền	9A3	09/03/2009	Địa lí	Kỳ Sơn	5.40	Khuyến khích
3	075	Đỗ Đặng Minh Trang	9A1	19/01/2009	GDCD	Kỳ Sơn	7.25	Khuyến khích
4	014	Bùi Thị Thanh Hà	9A3	28/05/2009	Hoá học	Kỳ Sơn	6.20	Ba
5	073	Nguyễn Thành Trung	9A2	02/04/2009	Hoá học	Kỳ Sơn	6.00	Ba
6	052	Đỗ Thị Ngọc Mến	9A1	02/03/2009	Lịch sử	Kỳ Sơn	5.75	Ba
7	035	Nguyễn Thị Huyền	9A1	25/10/2009	Lịch sử	Kỳ Sơn	5.50	Khuyến khích
8	085	Đỗ Thanh Vân	9A1	25/07/2009	Lịch sử	Kỳ Sơn	5.25	Khuyến khích
9	073	Bùi Thu Thắm	9A3	27/01/2009	Lịch sử	Kỳ Sơn	5.00	Khuyến khích
10	064	Đỗ Yến Nhi	9A1	07/10/2009	Ngữ văn	Kỳ Sơn	6.75	Nhì
11	081	Nguyễn Thị Thanh Thảo	9A1	10/09/2009	Ngữ văn	Kỳ Sơn	6.00	Khuyến khích
12	004	Lê Thị Vân Anh	9A3	07/02/2009	Sinh học	Kỳ Sơn	7.00	Ba
13	005	Nguyễn Ngọc Anh	9A3	10/02/2009	Sinh học	Kỳ Sơn	5.00	Khuyến khích
1	056	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	9A2	10/11/2009	Địa lí	Lại Xuân	7.00	Nhì



	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
2	069	Hoàng Thị Kiều Trang	9A2	14/07/2009	Địa lí	Lại Xuân	6.40	Ba
3	054	Nguyễn Thị Thanh Tân	9A5	02/02/2009	Địa lí	Lại Xuân	6.15	Ba
4	041	Đào Hải Ngọc	9A1	19/11/2009	Địa lí	Lại Xuân	5.00	Khuyến khích
5	045	Nguyễn Ngọc Mai	9A5	05/02/2009	GDCD	Lại Xuân	8.00	Ba
6	076	Nguyễn Thị Kiều Trang	9A5	19/01/2009	GDCD	Lại Xuân	7.50	Khuyến khích
7	005	Nguyễn Việt Cường	9A5	28/02/2009	Hoá học	Lại Xuân	9.10	Nhất
8	032	Nguyễn Diệu Linh	9A3	17/08/2009	Hoá học	Lại Xuân	8.15	Nhất
9	077	Nguyễn Thị Xuân	9A2	03/05/2009	Hoá học	Lại Xuân	7.80	Nhi
10	033	Nguyễn Thị Mai Linh	9A1	13/05/2009	Hoá học	Lại Xuân	7.00	Nhi
11	071	Đỗ Thị Ngọc Trâm	9A3	27/03/2009	Hoá học	Lại Xuân	6.95	Nhi
12	006	Nguyễn Hải Anh	9A5	05/08/2009	Sinh học	Lại Xuân	5.10	Khuyến khích
13	002	Đào Bình An	9A2	20/03/2009	Toán	Lại Xuân	5.75	Ba
14	015	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	9A5	02/05/2009	Toán	Lại Xuân	5.50	Khuyến khích
15	044	Đoàn Phú Mạnh	9A2	18/07/2009	Toán	Lại Xuân	5.25	Khuyến khích
16	042	Đỗ Văn Thịnh	9A5	09/06/2009	Vật lý	Lại Xuân	7.90	Nhi
17	041	Phạm Ngọc Thành	9A1	01/01/2009	Vật lý	Lại Xuân	7.40	Ba
18	043	Trần Thị Thu Trà	9A1	23/04/2009	Vật lý	Lại Xuân	6.00	Khuyến khích
19	021	Hoàng Minh Huy	9A5	28/01/2009	Vật lý	Lại Xuân	5.50	Khuyến khích
1	077	Đàm Thu Trang	9A1	28/02/2009	GDCD	Lâm Động	7.25	Khuyến khích
2	016	Nguyễn Văn Chương	9A1	08/05/2009	Sinh học	Lâm Động	7.60	Nhi
3	028	Đỗ Hoàng Dương	9A1	05/07/2009	Tiếng Anh	Lâm Động	6.10	Ba



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
4	019	Tô Đình Hoàn	9A1	01/10/2009	Vật lý	Lâm Động	5.75	Khuyến khích
1	049	Đinh Lương Hà Phương	9A4	06/09/2009	Địa lí	Lập Lễ	7.20	Nhất
2	011	Hoàng Thùy Dung	9A3	27/10/2009	Địa lí	Lập Lễ	6.60	Nhì
3	025	Bùi Mẫn Huệ	9A4	15/04/2009	Địa lí	Lập Lễ	6.25	Ba
4	044	Đinh Thị Yến Nhi	9A3	11/03/2009	Địa lí	Lập Lễ	5.15	Khuyến khích
5	046	Bùi Thị Nhung	9A3	02/01/2009	Địa lí	Lập Lễ	5.10	Khuyến khích
6	083	Đinh Hoàng Minh Thơ	8A4	23/03/2010	Ngữ văn	Lập Lễ	6.25	Ba
7	056	Đinh Thị Bảo Ngọc	9A4	31/08/2009	Ngữ văn	Lập Lễ	6.00	Khuyến khích
8	069	Đinh Thị Kim Oanh	8A4	16/02/2010	Ngữ văn	Lập Lễ	6.00	Khuyến khích
9	033	Đinh Thị Thu Huyền	9A4	27/10/2009	Ngữ văn	Lập Lễ	5.75	Khuyến khích
10	081	Lê Thị Hải Yến	9A4	22/10/2009	Sinh học	Lập Lễ	6.75	Ba
11	005	Đinh Tuấn Anh	8A4	04/12/2010	Tiếng Anh	Lập Lễ	5.85	Khuyến khích
12	089	Nguyễn Vũ Minh Tuệ	9A4	24/10/2009	Tiếng Anh	Lập Lễ	5.10	Khuyến khích
13	094	Trần Quang Việt	9A4	15/04/2009	Toán	Lập Lễ	6.75	Nhì
14	066	Nguyễn Thị Bích Ngân	9A4	12/12/2009	Toán	Lập Lễ	6.00	Ba
15	032	Đinh Nguyễn Vinh Khánh	9A4	27/09/2009	Toán	Lập Lễ	5.75	Ba
1	076	Trần Vũ Phương Yến	9A4	09/01/2009	Địa lí	Lê Ích Mộc	7.00	Nhì
2	034	Nguyễn Thuỳ Linh	9A1	02/02/2009	Địa lí	Lê Ích Mộc	5.70	Khuyến khích
3	008	Cù Huy Phúc Anh	9A2	02/10/2009	GDCD	Lê Ích Mộc	8.50	Nhất
4	048	Phạm Lê Bảo Nam	9A5	18/06/2009	GDCD	Lê Ích Mộc	8.25	Nhì
5	020	Phạm Thảo Chi	9A2	26/11/2009	GDCD	Lê Ích Mộc	8.00	Ba



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
6	041	Vũ Hà Linh	9A2	25/04/2009	GDCD	Lê Ích Mộc	7.75	Khuyến khích
7	030	Đoàn Bùi Tùng Lâm	9A1	24/10/2009	Hoá học	Lê Ích Mộc	5.65	Khuyến khích
8	037	Phạm Tuấn Minh	9A2	28/2/2009	Hoá học	Lê Ích Mộc	5.50	Khuyến khích
9	005	Đỗ Tú Anh	9A3	29/07/2009	Lịch sử	Lê Ích Mộc	8.25	Nhất
10	046	Bùi Diệu Linh	9A1	10/05/2009	Lịch sử	Lê Ích Mộc	8.25	Nhất
11	054	Bùi Thị Thu Ngân	9A2	20/11/2009	Lịch sử	Lê Ích Mộc	8.25	Nhất
12	045	Vũ Lê Nhật Linh	9A1	04/02/2009	Lịch sử	Lê Ích Mộc	7.75	Nhi
13	039	Vũ Nam Khánh	9A2	18/04/2009	Lịch sử	Lê Ích Mộc	7.40	Nhi
14	059	Phùng Khánh Ngọc	9A2	02/03/2009	Lịch sử	Lê Ích Mộc	6.75	Ba
15	005	Trần Hải Đăng	9A3	19/05/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	7.25	Nhất
16	045	Vũ Tuệ Minh	9A1	13/07/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	7.25	Nhất
17	004	Lưu Nguyễn Thảo Anh	9A2	12/10/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	7.00	Nhi
18	038	Nguyễn Phương Linh	9A1	01/09/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	7.00	Nhi
19	014	Nguyễn Minh Châu	9A1	04/11/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	6.75	Nhi
20	042	Nguyễn Thanh Mai	9A2	11/07/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	6.75	Nhi
21	057	Vũ Hồng Ngọc	9A2	03/11/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	6.75	Nhi
22	091	Nguyễn Cẩm Tú	9A2	18/04/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	6.50	Ba
23	013	Đỗ Ngân Bình	9A3	16/12/2009	Ngữ văn	Lê Ích Mộc	6.00	Khuyến khích
24	031	Lê Minh Huyền	9A1	13/07/2009	Sinh học	Lê Ích Mộc	9.25	Nhất
25	018	Bùi Tiến Đạt	9A2	01/03/2009	Sinh học	Lê Ích Mộc	7.75	Nhi
26	048	Trần Bảo Ngọc	9A1	09/02/2009	Sinh học	Lê Ích Mộc	7.75	Nhi



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
27	064	Phan Diệu Thanh	9A2	11/10/2009	Sinh học	Lê Ích Mộc	8.75	Nhì
28	072	Trần Mạc Thanh Trúc	9A1	28/01/2009	Sinh học	Lê Ích Mộc	7.00	Ba
29	088	Phạm Ngọc Tuấn	9A1	25/07/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	8.45	Nhất
30	060	Nguyễn Thị Như Mai	9A2	21/04/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	7.90	Nhì
31	029	Đinh Thị Thùy Dương	9A2	24/02/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	7.65	Nhì
32	077	Nguyễn Thị Thảo Nhi	9A1	12/11/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	7.35	Nhì
33	110	Dương Hà Vy	9A1	25/12/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	7.25	Nhì
34	054	Phạm Hoàng Hương Linh	9A2	01/10/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	7.15	Nhì
35	066	Bùi Thị Kim Ngân	9A1	02/05/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	6.55	Ba
36	006	Trần Minh Anh	9A2	25/10/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	6.30	Ba
37	067	Đinh Nguyễn Bảo Ngân	9A1	24/04/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	6.00	Ba
38	072	Nguyễn Bùi Hồng Ngọc	9A1	25/10/2009	Tiếng Anh	Lê Ích Mộc	5.40	Khuyến khích
39	062	Lê Bá Hải Nam	9A1	12/02/2009	Toán	Lê Ích Mộc	8.75	Nhất
40	085	Phạm Lê Xuân Tùng	9A1	23/09/2009	Toán	Lê Ích Mộc	8.75	Nhất
41	013	Vũ Minh Công	9A2	25/03/2009	Toán	Lê Ích Mộc	8.50	Nhất
42	020	Bùi Thùy Dương	9A2	23/09/2009	Toán	Lê Ích Mộc	8.00	Nhất
43	036	Nguyễn Tùng Lâm	9A1	16/07/2009	Toán	Lê Ích Mộc	8.00	Nhất
44	063	Nguyễn Bảo Nam	9A1	28/02/2009	Toán	Lê Ích Mộc	7.75	Nhì
45	009	Nguyễn Gia Bách	9A1	09/07/2009	Toán	Lê Ích Mộc	6.50	Nhì
46	026	Hà Thu Huế	9A3	25/04/2009	Toán	Lê Ích Mộc	6.50	Nhì
47	030	Trịnh Gia Hưng	9A1	20/03/2009	Toán	Lê Ích Mộc	6.50	Nhì



	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
48	050	Lã Tuấn Minh	9A2	20/02/2009	Toán	Lê Ích Mộc	5.75	Ba
1	018	Nguyễn Thị Minh Hằng	9D3	25/07/2009	Địa lí	Liên Khê	6.40	Ba
2	052	Lường Thị Lệ Quyên	9D3	18/07/2009	Địa lí	Liên Khê	6.10	Ba
3	057	Nguyễn Thị Phương Thảo	9D3	25/02/2009	Địa lí	Liên Khê	5.80	Ba
4	031	Lê Thị Hằng	9D2	19/03/2009	GDCD	Liên Khê	8.00	Ba
5	072	Trần Anh Thư	9D3	17/11/2009	GDCD	Liên Khê	7.50	Khuyến khích
6	006	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	9D3	29/06/2009	Lịch sử	Liên Khê	5.50	Khuyến khích
7	012	Nguyễn Ngọc Ánh	9D3	15/09/2009	Ngữ văn	Liên Khê	5.75	Khuyến khích
8	094	Đinh Lê Yến Vy	9D3	05/07/2009	Ngữ văn	Liên Khê	5.75	Khuyến khích
9	068	Cao Thanh Ngân	9D3	24/08/2009	Tiếng Anh	Liên Khê	5.40	Khuyến khích
1	042	Vũ Minh Nguyệt	9A1	30/03/2009	Địa lí	Lưu Kiếm	6.50	Nhì
2	009	Cù Thị Quỳnh Anh	9A1	28/02/2009	GDCD	Lưu Kiếm	8.75	Nhất
3	010	Phạm Minh Anh	9A1	16/06/2009	GDCD	Lưu Kiếm	8.25	Nhì
4	033	Lê Thị Hiền	9A2	13/10/2009	GDCD	Lưu Kiếm	8.00	Ba
5	080	Lê Giang Quân	9A3	03/07/2009	Hoá học	Lưu Kiếm	7.45	Nhì
6	049	Bùi Mẫn Thiên Phúc	9A1	15/07/2009	Hoá học	Lưu Kiếm	7.10	Nhì
7	057	Hoàng Công Tú	9A1	11/09/2009	Hoá học	Lưu Kiếm	6.35	Ba
8	081	Dương Hoàng Thủy Tiên	9A1	10/07/2009	Hoá học	Lưu Kiếm	6.00	Ba
9	060	Lê Thị Minh Ngọc	9A2	14/10/2009	Lịch sử	Lưu Kiếm	5.00	Khuyến khích
10	043	Nguyễn Ngọc Thanh Mai	9A1	31/03/2009	Ngữ văn	Lưu Kiếm	6.75	Nhì
11	047	Nguyễn Nhật Minh	9A1	28/10/2009	Ngữ văn	Lưu Kiếm	6.00	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
12	078	Hoàng Quốc Vinh	9A1	02/06/2009	Sinh học	Lưu Kiếm	6.75	Ba
13	060	Đào Lê An Phát	9A1	13/08/2009	Sinh học	Lưu Kiếm	6.50	Khuyến khích
14	066	Phạm Thị Thu	9A1	01/04/2009	Sinh học	Lưu Kiếm	5.25	Khuyến khích
15	074	Lê Khôi Nguyên	7A1	15/06/2011	Tiếng Anh	Lưu Kiếm	8.10	Nhì
16	082	Nguyễn Phương Tâm	8A1	21/12/2010	Tiếng Anh	Lưu Kiếm	7.65	Nhì
17	025	Đào Khánh Duy	9A4	09/06/2009	Tiếng Anh	Lưu Kiếm	6.25	Ba
18	099	Nguyễn Lê Anh Thư	9A1	29/01/2009	Tiếng Anh	Lưu Kiếm	5.75	Khuyến khích
19	090	Nguyễn Thanh Tùng	9A1	25/07/2009	Tiếng Anh	Lưu Kiếm	5.25	Khuyến khích
20	055	Đào Lê Mai Linh	9A1	24/06/2009	Tiếng Anh	Lưu Kiếm	5.10	Khuyến khích
21	045	Vũ Văn Mạnh	9A1	28/06/2009	Toán	Lưu Kiếm	6.25	Nhì
22	025	Nguyễn Quang Hoàng	9A1	14/03/2009	Toán	Lưu Kiếm	5.50	Khuyến khích
23	040	Đinh Bùi Mạnh Tuấn	9A1	20/07/2009	Vật lý	Lưu Kiếm	8.75	Nhất
24	006	Cù Viết Tuấn Dũng	9A1	20/10/2009	Vật lý	Lưu Kiếm	8.00	Nhì
25	005	Nguyễn Mạnh Dũng	9A1	02/01/2009	Vật lý	Lưu Kiếm	7.25	Ba
1	039	Vũ Đức Minh	9A2	02/02/2009	Địa lí	Minh Đức	6.50	Nhì
2	032	Trịnh Thị Hồng Hạnh	9A2	25/08/2009	GDCD	Minh Đức	8.25	Nhì
3	024	Vũ Thị Huyền Diệu	9A1	17/01/2009	GDCD	Minh Đức	8.25	Nhì
4	073	Lại Thị Mai Thúy	9A1	22/02/2009	GDCD	Minh Đức	8.00	Ba
5	011	Vũ Thị Phương Anh	9A1	23/03/2009	GDCD	Minh Đức	8.00	Ba
6	054	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	9A4	09/09/2009	GDCD	Minh Đức	8.00	Ba
7	078	Nguyễn Thị Khánh Vân	9A1	26/01/2009	GDCD	Minh Đức	7.25	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
8	038	Phạm Hồng Minh	9A1	20/10/2009	Hoá học	Minh Đức	8.25	Nhất
9	021	Lê Hoàng Quang Huy	9A1	17/03/2009	Hoá học	Minh Đức	7.40	Nhì
10	020	Hoàng Văn Hùng	9A1	16/02/2009	Hoá học	Minh Đức	7.35	Nhì
11	040	Trần Dương Hà My	9A1	27/05/2009	Hoá học	Minh Đức	6.25	Ba
12	010	Trần Đức Đại	9A1	15/08/2009	Hoá học	Minh Đức	6.05	Ba
13	018	Vũ Đức Hoàng	9A1	08/03/2009	Hoá học	Minh Đức	5.78	Khuyến khích
14	024	Nguyễn Khánh Giang	9A4	05/10/2009	Lịch sử	Minh Đức	5.00	Khuyến khích
15	031	Vũ Thị Thu Hoàn	9A1	31/07/2009	Ngữ văn	Minh Đức	6.25	Ba
16	059	Nguyễn Khánh Ngọc	9A1	23/02/2009	Ngữ văn	Minh Đức	6.00	Khuyến khích
17	007	Bùi Thị Lan Anh	9A1	13/10/2009	Ngữ văn	Minh Đức	6.00	Khuyến khích
18	049	Đỗ Như Ngọc	9A2	13/01/2009	Sinh học	Minh Đức	8.00	Nhì
19	044	Bùi Bình Minh	9A1	11/03/2009	Sinh học	Minh Đức	7.10	Ba
20	017	Nguyễn Văn Đại	9A1	21/05/2009	Sinh học	Minh Đức	6.75	Ba
21	054	Vũ Hương Nhi	9A2	25/8/2009	Sinh học	Minh Đức	6.00	Khuyến khích
22	042	Cù Ngọc Khánh Huy	8A1	23/07/2010	Tiếng Anh	Minh Đức	6.15	Ba
23	063	Lê Thị Anh Minh	9A1	10/07/2009	Tiếng Anh	Minh Đức	6.00	Ba
24	012	Bùi Ngọc Ánh	8A1	23/06/2010	Tiếng Anh	Minh Đức	5.90	Ba
25	076	Nguyễn Minh Nguyệt	9A1	14/01/2009	Tiếng Anh	Minh Đức	5.90	Ba
26	073	Lê Thị Minh Ngọc	8A1	04/01/2010	Tiếng Anh	Minh Đức	5.75	Khuyến khích
27	056	Bùi Ngọc Linh	8A1	30/06/2010	Tiếng Anh	Minh Đức	5.25	Khuyến khích
28	039	Mai Nhật Linh	9A1	15/09/2009	Toán	Minh Đức	5.25	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
29	020	Nguyễn Huy Hoàng	9A1	19/08/2009	Vật lý	Minh Đức	6.00	Khuyến khích
1	064	Vũ Thị Thuỳ	9A	3/7/2009	Địa lí	Minh Tân	6.35	Ba
2	021	Trần Vũ Thu Hiền	9A	25/12/2009	Địa lí	Minh Tân	5.00	Khuyến khích
3	072	Vũ Thị Cẩm Tú	9A	31/08/2009	Địa lí	Minh Tân	5.00	Khuyến khích
4	031	Trần Thị Thu Hương	9A	15/11/2009	Lịch sử	Minh Tân	7.50	Nhì
5	036	Nguyễn An Thái Huyền	9A	06/07/2009	Lịch sử	Minh Tân	7.00	Nhì
6	071	Vũ Thị Ngọc Tâm	9A	17/08/2009	Lịch sử	Minh Tân	6.75	Ba
7	044	Đỗ Thị Mai	9A	07/03/2009	Ngữ văn	Minh Tân	6.50	Ba
8	075	Vũ Khánh Quỳnh	9A	10/01/2009	Ngữ văn	Minh Tân	6.00	Khuyến khích
9	032	Trần Thị Diệu Huyền	9A	05/02/2009	Sinh học	Minh Tân	5.25	Khuyến khích
10	082	Phạm Thị Hải Yến	9A	04/01/2009	Sinh học	Minh Tân	5.00	Khuyến khích
11	085	Nguyễn Quang Tú	9A	02/08/2009	Tiếng Anh	Minh Tân	7.90	Nhì
12	062	Vũ Hoàng Ngọc Mai	9A	20/03/2009	Tiếng Anh	Minh Tân	7.10	Nhì
13	100	Nguyễn Hạ Anh Thư	9A	12/01/2009	Tiếng Anh	Minh Tân	5.05	Khuyến khích
14	007	Nguyễn Đức Dũng	9A	29/10/2009	Vật lý	Minh Tân	7.50	Ba
15	034	Vũ Tiến Nghĩa	9A	23/04/2009	Vật lý	Minh Tân	7.25	Ba
1	046	Nguyễn Quỳnh Mai	9A1	17/4/2009	GDCD	Mỹ Đồng	8.00	Ba
2	014	Phạm Thùy Chi	9A1	31/12/2009	Lịch sử	Mỹ Đồng	6.25	Ba
3	040	Nguyễn Bảo Khánh	9A1	03/01/2009	Lịch sử	Mỹ Đồng	5.25	Khuyến khích
4	030	Nguyễn Minh Hiếu	9A1	09/07/2009	Ngữ văn	Mỹ Đồng	6.00	Khuyến khích
5	046	Nguyễn Thu Hương	9A1	12/10/2009	Tiếng Anh	Mỹ Đồng	8.05	Nhì



	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
6	039	Hoàng Gia Hân	9A1	23/4/2009	Tiếng Anh	Mỹ Đồng	5.25	Khuyến khích
7	052	Dương Nhật Minh	9A1	01/09/2009	Toán	Mỹ Đồng	7.00	Nhì
8	001	Nguyễn Ngọc An	9A1	23/01/2009	Vật lý	Mỹ Đồng	5.40	Khuyến khích
1	015	Trần Thị Thanh Hà	9A4	16/08/2009	Địa lí	Ngũ Lão	6.10	Ba
2	028	Đào Hương Giang	9A4	04/05/2009	GDCD	Ngũ Lão	8.25	Nhì
3	034	Bùi Trung Hiếu	9A4	29/06/2009	GDCD	Ngũ Lão	8.00	Ba
4	016	Trần Gia Bảo	9A4	09/07/2009	GDCD	Ngũ Lão	7.75	Khuyến khích
5	079	Nguyễn Thị Hà Vi	9A5	12//11/2009	GDCD	Ngũ Lão	7.75	Khuyến khích
6	019	Nguyễn Tất Minh Hoàng	9A4	11/04/2008	Hoá học	Ngũ Lão	7.00	Nhì
7	070	Vũ Thảo Trang	9A5	17/08/2009	Hoá học	Ngũ Lão	6.10	Ba
8	074	Bùi Quang Trường	9A5	03/04/2009	Hoá học	Ngũ Lão	6.35	Ba
9	028	Lê Trịnh Nam Khánh	9A5	14/05/2009	Hoá học	Ngũ Lão	6.25	Ba
10	001	Hoàng Thu An	9A4	30/03/2009	Lịch sử	Ngũ Lão	6.50	Ba
11	026	Cao Thị Hà	9A1	17/01/2009	Lịch sử	Ngũ Lão	6.00	Ba
12	033	Nguyễn Hoàng Huy	9A1	21/12/2008	Lịch sử	Ngũ Lão	5.75	Ba
13	029	Bùi Thị Thu Hiền	9A1	20/08/2009	Lịch sử	Ngũ Lão	5.25	Khuyến khích
14	097	Đoàn Hồng Vỹ	9A4	04/04/2009	Ngữ văn	Ngũ Lão	6.50	Ba
15	066	Hoàng Huyền Nhi	9A4	07/07/2009	Ngữ văn	Ngũ Lão	6.25	Ba
16	019	Bùi Tiến Đạt	9A4	07/05/2009	Sinh học	Ngũ Lão	8.25	Nhì
17	028	Trịnh Xuân Huy	9A4	12/10/2009	Sinh học	Ngũ Lão	7.50	Ba
18	007	Nguyễn Phương Anh	9A5	09/02/2009	Tiếng Anh	Ngũ Lão	5.90	Ba



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
19	096	Bùi Thị Hà Thu	9A4	29/09/2009	Tiếng Anh	Ngũ Lão	5.00	Khuyến khích
20	033	Đỗ Duy Khánh	9A4	29/10/2009	Toán	Ngũ Lão	5.25	Khuyến khích
21	045	Nguyễn Đức Việt	9A5	19/07/2009	Vật lý	Ngũ Lão	7.75	Nhì
22	015	Lại Trường Giang	9A5	17/01/2009	Vật lý	Ngũ Lão	6.25	Khuyến khích
23	016	Bùi Thu Hà	9A4	01/12/2009	Vật lý	Ngũ Lão	6.25	Khuyến khích
1	036	Lê Thị Thùy Linh	9A1	09/01/2009	Địa lí	Nguyễn Văn Cừ	6.30	Ba
2	051	Trần Ngọc Quang	9A2	10/11/2009	Địa lí	Nguyễn Văn Cừ	5.70	Khuyến khích
3	066	Trần Hưng Thịnh	9A1	11/09/2009	Hoá học	Nguyễn Văn Cừ	5.80	Khuyến khích
4	025	Đỗ Đức Giang	9A2	20/04/2009	Lịch sử	Nguyễn Văn Cừ	5.75	Ba
5	025	Đỗ Ngân Hà	8A1	25/02/2010	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ	7.00	Nhì
6	021	Trần Thùy Dương	9A5	12/06/2009	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ	6.25	Ba
7	060	Đỗ Bảo Ngọc	9A1	27/05/2009	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ	6.25	Ba
8	099	Đỗ Thị Vân Yến	8A1	09/03/2010	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ	5.75	Khuyến khích
9	100	Nguyễn Hoàng Yến	9A1	02/09/2009	Ngữ văn	Nguyễn Văn Cừ	5.75	Khuyến khích
10	008	Lê Thị Bảo Anh	9A2	03/12/2009	Sinh học	Nguyễn Văn Cừ	5.50	Khuyến khích
11	086	Trần Kim Tú	9A1	14/08/2009	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Cừ	8.95	Nhất
12	059	Vũ Bảo Long	9A1	10/07/2009	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Cừ	7.05	Nhì
13	106	Trần Khánh Vi	9A1	02/01/2009	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Cừ	7.05	Nhì
14	008	Nguyễn Hải Anh	9A1	14/05/2009	Tiếng Anh	Nguyễn Văn Cừ	6.30	Ba
15	079	Nguyễn Thế Quang	9A1	08/03/2009	Toán	Nguyễn Văn Cừ	5.75	Ba
16	091	Bùi Thành Trung	9A5	03/09/2009	Toán	Nguyễn Văn Cừ	5.25	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
17	029	Đỗ Quang Huy	9A1	20/11/2009	Toán	Nguyễn Văn Cừ	5.25	Khuyến khích
1	003	Đinh Quang Tuấn Anh	9A	13/12/2009	Địa lí	Phả Lễ	7.30	Nhất
2	019	Đinh Thị Thu Hằng	9A	03/10/2009	Địa lí	Phả Lễ	5.75	Ba
3	030	Đinh Thị Khánh Huyền	9A	15/08/2009	Địa lí	Phả Lễ	5.55	Khuyến khích
4	052	Vũ Xuân Quyền	9A	23/07/2009	Hoá học	Phả Lễ	5.50	Khuyến khích
5	017	Đinh Thị Khánh Chi	9A	29/07/2009	Ngữ văn	Phả Lễ	6.75	Nhì
6	096	Đinh Vũ	9A	29/08/2009	Toán	Phả Lễ	6.00	Ba
1	071	Thân Thị Thanh Trúc	9A2	03/03/2009	Địa lí	Phan Chu Trinh	5.80	Ba
2	016	Trương Ngọc Hà	9A2	25/04/2009	Địa lí	Phan Chu Trinh	5.10	Khuyến khích
3	012	Phạm Lan Anh	9A2	27/10/2009	GDCD	Phan Chu Trinh	7.25	Khuyến khích
4	068	Mạc Như Quỳnh	9A1	14/10/2009	GDCD	Phan Chu Trinh	7.25	Khuyến khích
5	017	Vũ Hoàng Tiến Đạt	9A1	30/09/2009	Lịch sử	Phan Chu Trinh	5.75	Ba
6	084	Vũ Huy Trường	9A1	14/04/2010	Lịch sử	Phan Chu Trinh	5.50	Khuyến khích
7	079	Lê Phạm Anh Thư	9A1	29/01/2009	Lịch sử	Phan Chu Trinh	5.00	Khuyến khích
8	079	Nguyễn Thảo Thanh	9A4	12/02/2009	Ngữ văn	Phan Chu Trinh	6.75	Nhì
9	092	Lê Nguyễn Thảo Vi	9A4	18/02/2009	Ngữ văn	Phan Chu Trinh	6.50	Ba
10	034	Nguyễn Đăng Khoa	9A4	27/09/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	9.25	Nhất
11	041	Nguyễn Công Vũ Long	9A4	11/01/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	9.00	Nhất
12	015	Phạm Văn Chiến	9A1	16/07/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	7.75	Nhì
13	063	Nguyễn Ngọc Quân	9A1	01/12/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	7.75	Nhì
14	073	Trần Văn Tú	9A2	31/01/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	7.75	Nhì



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
15	012	Nguyễn Đức Bằng	9A4	06/02/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	7.60	Nhì
16	046	Trần Thị Thảo Ngân	9A2	28/10/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	7.25	Ba
17	033	Phạm Bùi Quốc Khánh	9A4	04/08/2009	Sinh học	Phan Chu Trinh	5.95	Khuyến khích
1	014	Lê Nhật Dương	9A1	16/12/2009	Địa lí	Phục Lễ	5.00	Khuyến khích
2	056	Nguyễn Trần Tiến	9A1	09/06/2009	Hoá học	Phục Lễ	7.10	Nhì
3	022	Phạm Quốc Huy	9A2	27/08/2009	Hoá học	Phục Lễ	5.58	Khuyến khích
4	007	Cao Thuỷ Anh	9A1	11/02/2009	Lịch sử	Phục Lễ	6.00	Ba
5	030	Đinh Tuấn Hưng	9A1	12/02/2009	Lịch sử	Phục Lễ	6.00	Ba
6	008	Dương Quỳnh Anh	9A1	29/07/2009	Ngữ văn	Phục Lễ	6.25	Ba
7	096	Phạm Mai Vy	9A1	10/02/2009	Ngữ văn	Phục Lễ	6.00	Khuyến khích
8	038	Nguyễn Thùy Linh	9A1	26/07/2009	Sinh học	Phục Lễ	8.25	Nhì
9	020	Chu Thành Đạt	9A2	04/05/2009	Sinh học	Phục Lễ	7.75	Nhì
10	022	Nguyễn Trần Việt Đức	9A1	10/11/2009	Sinh học	Phục Lễ	6.75	Ba
1	026	Đặng Mai Hương	9A1	21/11/2009	Địa lí	Quảng Thanh	6.50	Nhì
2	056	Trần Thị Ngọc	9A3	07/05/2009	GDCD	Quảng Thanh	7.50	Khuyến khích
3	013	Nguyễn Thị Hải Anh	9A4	06/01/2009	GDCD	Quảng Thanh	7.25	Khuyến khích
4	072	Nguyễn Thị Thanh Tâm	9A1	25/03/2009	Lịch sử	Quảng Thanh	8.00	Nhì
5	092	Trần Thị Phi Yến	9A2	07/07/2009	Lịch sử	Quảng Thanh	8.00	Nhì
6	075	Nguyễn Phương Thảo	9A4	02/10/2009	Lịch sử	Quảng Thanh	7.25	Nhì
7	091	Quách Yến Thanh	8A1	18/03/2010	Tiếng Anh	Quảng Thanh	6.00	Ba
8	079	Vũ Minh Phương	8A1	23/10/2010	Tiếng Anh	Quảng Thanh	5.15	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
9	007	Ngô Phương Anh	9A1	24/03/2009	Toán	Quảng Thanh	6.00	Ba
10	057	Nguyễn Tiến Minh	9A1	13/09/2009	Toán	Quảng Thanh	5.75	Ba
11	070	Phạm Nguyễn Hà Nguyên	9A1	21/04/2009	Toán	Quảng Thanh	5.75	Ba
12	034	Phạm Đăng Khôi	9A1	31/03/2009	Toán	Quảng Thanh	5.25	Khuyến khích
13	056	Hoàng Duy Minh	9A1	23/02/2009	Toán	Quảng Thanh	5.25	Khuyến khích
14	032	Bùi Minh Mạnh	9A1	18/02/2009	Vật lý	Quảng Thanh	7.00	Ba
1	058	Lại Ngọc Phương Thảo	9B	21/01/2009	Địa lí	Tam Hưng	6.50	Nhì
2	012	Đỗ Hương Dung	9B	23/08/2009	Địa lí	Tam Hưng	5.25	Khuyến khích
3	039	Vũ Thị Khánh Linh	9B	13/06/2009	Ngữ văn	Tam Hưng	7.25	Nhất
4	026	Vũ Phạm Minh Hiếu	9C	03/06/2009	Sinh học	Tam Hưng	7.00	Ba
5	058	Trương Hồng Nhung	9B	17/02/2009	Sinh học	Tam Hưng	5.10	Khuyến khích
6	019	Vũ Mai Chi	9B	20/11/2009	Tiếng Anh	Tam Hưng	6.00	Ba
7	024	Vũ Tiến Dũng	9B	22/06/2009	Tiếng Anh	Tam Hưng	5.90	Ba
8	046	Lê Nam Vương	9B	03/08/2009	Vật lý	Tam Hưng	6.50	Ba
1	081	Đào Thị Hải Yến	9C	23/04/2009	GDCD	Tân Dương	8.25	Nhì
2	027	Nguyễn Thùy Dung	9A	01/11/2009	GDCD	Tân Dương	8.00	Ba
3	047	Phạm Trà My	9C	07/09/2009	GDCD	Tân Dương	8.00	Ba
4	054	Vũ Đức Tâm	9C	07/01/2009	Hoá học	Tân Dương	5.00	Khuyến khích
5	051	Nguyễn Duy Mạnh	9A	18/06/2009	Lịch sử	Tân Dương	8.00	Nhì
6	037	Nguyễn Thu Huyền	9B	29/04/2009	Lịch sử	Tân Dương	7.80	Nhì
7	018	Nguyễn Quốc Đạt	9A	26/05/2009	Lịch sử	Tân Dương	6.75	Ba



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
8	009	Nguyễn Ngọc Anh	9A	30/08/2009	Ngữ văn	Tân Dương	6.00	Khuyến khích
9	079	Đỗ Văn Vũ	9C	15/11/2009	Sinh học	Tân Dương	7.00	Ba
10	039	Nguyễn Khánh Linh	9A	09/08/2009	Sinh học	Tân Dương	6.50	Khuyến khích
11	020	Cao Hà Thuỳ Chi	9A	02/07/2009	Tiếng Anh	Tân Dương	8.50	Nhất
12	103	Nguyễn Ngọc Trâm	9A	27/11/2009	Tiếng Anh	Tân Dương	6.25	Ba
13	065	Nguyễn Tuấn Nam	9A	15/11/2009	Toán	Tân Dương	5.25	Khuyến khích
14	004	Đào Mạnh Cường	9A	18/08/2009	Vật lý	Tân Dương	7.00	Ba
1	037	Hoàng Thuỳ Linh	9A1	31/01/2009	Địa lí	Thiên Hương	6.70	Nhi
2	045	Tô Thị Yến Nhi	9A2	05/02/2009	Địa lí	Thiên Hương	5.10	Khuyến khích
3	030	Tô Nguyệt Hà	9A1	10/06/2009	GDCD	Thiên Hương	8.25	Nhi
4	037	Vũ Thị Linh Hương	9A1	09/08/2009	GDCD	Thiên Hương	8.25	Nhi
5	042	Nguyễn Khánh Linh	9A1	10/10/2009	GDCD	Thiên Hương	7.50	Khuyến khích
6	026	Đồng Thị Thái Hà	9A1	13/03/2009	Ngữ văn	Thiên Hương	6.00	Khuyến khích
7	088	Nguyễn Thị Bảo Trân	9A1	20/08/2009	Ngữ văn	Thiên Hương	6.00	Khuyến khích
8	083	Phạm Hải Tú	9A1	28/09/2009	Toán	Thiên Hương	5.25	Khuyến khích
1	038	Nguyễn Thị Phương Linh	9A1	12/02/2009	Địa lí	Thủy Đường	7.50	Nhất
2	064	Nguyễn Mai Phương	9A1	06/11/2009	GDCD	Thủy Đường	7.25	Khuyến khích
3	044	Trần Thị Minh Ngọc	9A1	06/10/2009	Hoá học	Thủy Đường	5.80	Khuyến khích
4	080	Bùi Thị Anh Thư	9A1	29/09/2009	Lịch sử	Thủy Đường	5.00	Khuyến khích
5	073	Đồng Thị Mai Phương	9A1	20/12/2009	Ngữ văn	Thủy Đường	7.25	Nhất
6	027	Trần Thị Diệp Hà	9A1	22/12/2009	Ngữ văn	Thủy Đường	7.00	Nhi



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
7	055	Trần Thị Kim Ngân	9A2	01/01/2009	Ngữ văn	Thủy Đường	7.00	Nhì
8	029	Nguyễn Thị Nguyên Hạnh	9A2	08/10/2009	Ngữ văn	Thủy Đường	6.75	Nhì
9	078	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	9A1	21/03/2009	Ngữ văn	Thủy Đường	6.50	Ba
10	051	Lê Minh Nguyên	9A1	15/07/2009	Sinh học	Thủy Đường	7.10	Ba
11	083	Tạ Hải Yến	9A3	25/10/2009	Sinh học	Thủy Đường	5.00	Khuyến khích
12	021	Trần Ngọc Linh Chi	9A1	06/08/2009	Tiếng Anh	Thủy Đường	5.60	Khuyến khích
13	059	Nguyễn Đức Minh	9A1	07/05/2009	Toán	Thủy Đường	6.75	Nhì
14	090	Đào Thanh Trúc	9A1	25/03/2009	Toán	Thủy Đường	6.75	Nhì
1	015	Đỗ Thị Ngọc Ánh	9A1	20/08/2009	GDCD	Trần Hưng Đạo	8.00	Ba
2	071	Nguyễn Phương Thảo	9A2	20/05/2009	GDCD	Trần Hưng Đạo	7.50	Khuyến khích
3	006	Nguyễn Thế Anh	9A5	29/12/2009	Địa lí	Trần Hưng Đạo	7.40	Nhất
4	060	Trần Phương Thảo	9A5	23/11/2009	Địa lí	Trần Hưng Đạo	7.10	Nhì
5	005	Bùi Phạm Nguyệt Anh	9A5	22/06/2009	Địa lí	Trần Hưng Đạo	6.50	Nhì
6	062	Nguyễn Hồng Thu	9A1	24/10/2009	Địa lí	Trần Hưng Đạo	6.45	Nhì
7	065	Nguyễn Vương Thy	9A1	30/05/2009	Địa lí	Trần Hưng Đạo	5.45	Khuyến khích
8	066	Nguyễn Xuân Tiến	9A1	25/07/2009	Địa lí	Trần Hưng Đạo	5.15	Khuyến khích
9	069	Bùi Thị Minh Tâm	9A1	04/02/2009	GDCD	Trần Hưng Đạo	7.25	Khuyến khích
10	050	Nguyễn Hữu Phúc	9A5	02/01/2009	Hoá học	Trần Hưng Đạo	7.20	Nhì
11	058	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	9A1	23/5/2009	Hoá học	Trần Hưng Đạo	5.55	Khuyến khích
12	043	Đồng Thị Ngọc Lan	9A4	22/03/2009	Lịch sử	Trần Hưng Đạo	5.75	Ba
13	015	Vũ Khánh Chi	9A6	20/05/2009	Lịch sử	Trần Hưng Đạo	5.25	Khuyến khích



STT	SBD	Họ và tên	Lớp	Ngày sinh	Môn thi	Trường THCS	Điểm	Xếp giải
14	010	Bùi Hoàng Minh Anh	9A4	24/04/2009	Lịch sử	Trần Hưng Đạo	5.00	Khuyến khích
15	050	Hoàng Thị Thanh Loan	9A5	05/06/2009	Lịch sử	Trần Hưng Đạo	5.00	Khuyến khích
16	040	Tạ Khánh Linh	9A1	30/09/2009	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo	7.00	Nhì
17	011	Đỗ Nguyễn Hải Anh	9A1	23/01/2009	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo	7.00	Nhì
18	022	Đoàn Khánh Duy	9A1	17/08/2008	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo	6.75	Nhì
19	082	Vũ Phương Thảo	9A5	21/01/2009	Ngữ văn	Trần Hưng Đạo	6.50	Ba
20	040	Đặng Ngọc Linh	9A1	05/04/2009	Sinh học	Trần Hưng Đạo	6.50	Khuyến khích
21	101	Phạm Anh Thư	9A5	08/09/2009	Tiếng Anh	Trần Hưng Đạo	8.35	Nhì
22	084	Nguyễn Thị Minh Tâm	9A1	08/06/2009	Tiếng Anh	Trần Hưng Đạo	7.55	Nhì
23	010	Lê Phạm Quỳnh Anh	9A5	11/08/2009	Tiếng Anh	Trần Hưng Đạo	6.85	Ba
24	080	Nguyễn Thị Hà Phương	9A1	04/04/2009	Tiếng Anh	Trần Hưng Đạo	5.85	Khuyến khích
25	069	Hoàng Minh Ngọc	9A1	15/12/2009	Toán	Trần Hưng Đạo	6.00	Ba
26	024	Đỗ Văn Hưng	9A1	10/08/2009	Vật lý	Trần Hưng Đạo	8.00	Nhì
27	012	Tạ Hữu Đông	9A5	03/08/2009	Vật lý	Trần Hưng Đạo	7.50	Ba
1	026	Nguyễn Thị Mỹ Đức	9A1	17/03/2009	GDCD	Trần Nhật Duật	8.25	Nhì
2	049	Bùi Thị Nguyệt Nga	9A3	02/03/2009	GDCD	Trần Nhật Duật	8.25	Nhì
3	023	Đào Thị Ngọc Diệp	9A1	23/03/2009	GDCD	Trần Nhật Duật	8.00	Ba
4	062	Bùi Phương Thảo	9A3	15/05/2009	Hoá học	Trần Nhật Duật	6.05	Ba
5	090	Nguyễn Thu Trang	9A2	23/05/2009	Ngữ văn	Trần Nhật Duật	6.25	Ba
6	018	Bùi Thị Quỳnh Chi	9A3	01-12-2009	Ngữ văn	Trần Nhật Duật	6.00	Khuyến khích
7	041	Nguyễn Phương Linh	9A3	10/01/2009	Toán	Trần Nhật Duật	5.50	Khuyến khích